

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: An Toàn Thông Tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Xuân Chợt

2. Ngày tháng năm sinh: 16/01/1985; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Tân An, Thanh Hà, Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 12A03B,
Chung cư FLC Landmark Tower, Phố Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Đỗ Xuân Chợt, Khoa An Toàn Thông Tin, Học
viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0965068868;

E-mail: chodx@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 06,2015 đến tháng, năm 03,2022: Giảng Viên tại Khoa Công Nghệ Thông Tin 1, Học Viện Công
Nghệ Bưu Chính Viễn Thông, Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng Viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng Viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa An Toàn Thông Tin, Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông, Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Km10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 20 tháng 6 năm 2008, số văn bằng: B-2008-1294, ngành: Công Nghệ Thông Tin, chuyên ngành: Tin học và kỹ thuật tính toán; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Tổng Hợp Kỹ Thuật Điện Saint- Peterburg, Liên Bang Nga

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 30 tháng 6 năm 2010, số văn bằng: M-2010-3148, ngành: Công Nghệ Thông Tin, chuyên ngành: Tin học và kỹ thuật tính toán; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Tổng Hợp Kỹ Thuật Điện Saint- Peterburg, Liên Bang Nga

- Được cấp bằng TS [5] ngày 26 tháng 5 năm 2014, số văn bằng: 204971, ngành: Công Nghệ Thông Tin, chuyên ngành: Tự động hóa thiết kế; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Tổng Hợp Kỹ Thuật Điện Saint- Peterburg, Liên Bang Nga

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Phát hiện tân công APT

- Phát hiện hành vi bất thường

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo khoa học, trong đó 17 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong khoảng thời gian công tác và giảng dạy tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông với vai trò là giảng viên từ năm 2015 đến nay (tháng 6/2022), ứng viên tự nhận thấy:

- **Trong công tác giảng dạy:**
 - Thực hiện tốt nghĩa vụ của một công dân, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước cũng như nghiêm túc thực hiện các qui định của Học Viện và Khoa.
 - Luôn giữ vững phẩm chất và đạo đức của một nhà giáo, sống lành mạnh, nghiêm túc, có quan hệ đúng mực với đồng nghiệp và học trò. Luôn có thái độ cởi mở, có ý thức hợp tác, chia sẻ trong công việc và chuyên môn.
 - Tận tụy, tâm huyết với nghề nghiệp, luôn luôn trau dồi, tích lũy kiến thức chuyên môn.
 - Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy của khoa và bộ môn giao cho.
 - Luôn tích cực đổi mới sáng tạo trong việc giảng dạy, tôn trọng nhân cách của người học.
 - Tích cực tham gia các hoạt động giảng dạy, đào tạo đội tuyển và câu lạc bộ An toàn thông tin của Học Viện. Các đội tuyển thi an toàn thông tin của Học Viện đã liên tục đạt thành tích cao trong các cuộc thi “sinh viên với An toàn thông tin” do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức.
- **Trong công tác nghiên cứu:**
 - Luôn tích cực, tận tụy tìm hiểu các hướng nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành An toàn thông tin.
 - Tích cực chủ động tổ chức hợp tác nghiên cứu có hiệu quả với đồng nghiệp tại Học viện và với các đối tác ở trong và ngoài nước, như Khoa An toàn thông tin - Học viện Kỹ thuật mật mã, Cục An toàn thông tin, Đại học viễn thông St. Petersburgs - Nga, Đại học tổng hợp kỹ thuật điện Saint-Peterburg- Nga, Đại học Bách Khoa Saint Peterburg- Nga. Tính đến tháng 6/2022, ứng viên đã biên soạn 03 bài giảng phục vụ đào tạo đại học tại Học viện và công bố 28 bài báo đăng trên các tạp chí và hội thảo quốc tế (là tác giả chính của 17 bài), trong đó có 16 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (bao gồm 01 bài hạng Q1, 06 bài hạng SCIE Q2, 01 bài hạng SCIE Q4, 02 bài hạng Scopus Q2, 03 bài hạng ESCI Q3; 02 bài hạng ESCI Q4 và 01 bài hạng Scopus Q4).

Đánh giá chung: Ứng viên tự nhận thấy mình đã đáp ứng được các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo. Có tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề và luôn tận tâm trong công việc; có tác phong làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp. Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Nhà nước và pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017			2	3	452		452/ 584.5/ 270
2	2016-2017			1	6	612		612/ 790/ 270
3	2018-2019			1	6	476		476/679.2/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			1	6	610.4		610.4/786.6/270
5	2020-2021			1	5	575.6		575.6/ 736.8/ 270
6	2021-2022			1	6	642		642/ 835.5/ 270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH

☒; Tại nước: Liên Bang Nga; Từ năm 2003 đến năm 2010

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Liên Bang Nga năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Quang Thạch		X	X		07/2015 đến 01/2016	Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông	14/04/2016
2	Trịnh Thị Vân		X	X		01/2016 đến 07/2016	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn Thông	27/9/2016

3	Lê Long Bình		X	X		01/2017 đến 07/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	18/10/2017
4	Ngô Ngọc Giang		X	X		06/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	02/02/2018
5	Nguyễn Mạnh Quang		X	X		12/2017 đến 06/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	24/8/2018
6	Nguyễn Văn Cảnh		X	X		07/2018 đến 12/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	16/3/2020

7	Khuất Thị Ngọc Ánh		X	X		01/2020 đến 07/2020	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	14/08/2020
8	Nguyễn Diệp Anh		X	X		01/2021 đến 07/2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	04/11/2021
9	Nguyễn Đức Thưởng		X	X		07/2021 đến 12/2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	14/4/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do

nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng phát hiện URL độc	CN	014-2019-HV-CNTT1-PM, cấp Cơ sở	1/5/2019 đến 1/12/2019	25/12/2019/Đạt
2	Nghiên cứu xây dựng hệ thống phát hiện mã độc tấn công APT	CN	009-2020-HV-CNTT1-PM/HĐ-KHCN, cấp Cơ sở	2/7/2020 đến 1/12/2020	23/12/2020/Đạt
3	Xây dựng ứng dụng phát hiện bất thường trên máy người dùng sử dụng tập luật từ Mitre attack	CN	013-2021-HV-CNTT1-LAB, cấp Cơ sở	1/6/2021 đến 1/12/2021	28/12/2021/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Построение баз данных метеорологической информации в замкнутой системе управления «Природа–техногеника» [Creation of databases of meteorological information in the closed control system «Nature–Technogenic»]	2	Không	Международный журнал "Программные продукты и системы" [International journal “Software & Systems”] (Tạp chí: ISSN 0236-235X (P); ISSN 2311-2735 (E))	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	5	2013, 1, 125-129	03/2013

2	Алгоритмизация обработки и передачи метеорологических данных в замкнутой системе управления «Природа-техногеника» [Algorithmization of Meteorological Data Processing and Transmission within a Closed Control System «Nature-Technogenics»]	2	Không	Информационно-управляющие системы [Information & Control Systems] (Тạp chí:ISSN 1684-8853 (P); ISSN 2541-8610 (E); DOI: 10.31799]	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	5	3, 64, 30-35	03/2013
---	--	---	-------	--	-------------------------------------	---	--------------	---------

3	Программная реализация метеорологической поддержки замкнутой системы управления «Природа- техногеника» [The Software Providing Meteorological Support for a Closed Control System «Nature- Technogenics»]	2	Không	Информационно- управляющие системы [Information & Control Systems] (Тạp chí: ISSN 1684-8853 (P); ISSN 2541-8610 (E); DOI: 10.31799)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		5, 66, 51–55	10/2013
---	---	---	-------	---	--	--	-----------------	---------

4	К ОЦЕНКЕ ТОЧНОСТИ ОБРАБОТКИ МЕТЕОРОЛОГИЧЕСКИХ ДАННЫХ В ЗАМКНУТОЙ СИСТЕМЕ УПРАВЛЕНИЯ «ПРИРОДА – ТЕХНОГЕНИКА» [TO THE ACCURACY ESTIMATION OF METEOROLOGICAL DATA PROCESSING IN THE CLOSED CONTROL SYSTEM “NATURE - TECHNOGENIC” (CCS NT)]	3	Không	Известия СПбГЭТУ “ЛЭТИ” [Izvestia SPbETU "LETI"] (Тạp chí ISSN 2071-8985)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	7, 2013, 59-62	10/2013
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							

5	Вопросы применения Подсистемы САПР устройств метеорологической поддержки замкнутой системы управления «Природа–техногеника» [THE APPLICATION ISSUES OF A CAD SUBSYSTEM FOR "NATURE–TECHNOGENIC" CLOSED CONTROL SYSTEM METEOROLOGICAL SUPPORT DEVICES]	2	Có	Международный журнал "Программные продукты и системы" [International journal “Software & Systems”] (Тạp chí: IISSN 0236-235X (P); ISSN 2311-2735 (E))	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		3, 2015, 204-209	04/2015
6	Construction of Computer Appliance for the Closed Control System “Nature - Technogenika”	2	Không	Proceedings of the International Conference on Soft Computing and Measurements (SCM), 24-26 May 2016, St. Petersburg, Russia DOI: 10.1109/SCM.2016.7519801	- Scopus	1	424-426	07/2016

7	The Nature-Technogenic Control System design information maintenance	5	Không	Proceedings of the International Conference on Soft Computing and Measurements (SCM), 24-26 May 2017, St. Petersburg, Russia DOI: 10.1109/SCM.2016.7519801	- Scopus	11	662-665	07/2017
8	A Method of Monitoring and Detecting APT Attacks Based on Unknown Domains	2	Có	Proceedings of the 13th International Symposium “Intelligent Systems 2018” (INTELS’18), 22-24 October, 2018, St. Petersburg, Russia. Elsevier, Procedia Computer Science	- Scopus IF: 2.27	17	150 316-323	01/2019
9	A Method of Detecting Storage Based Network Steganography Using Machine Learning	3	Có	Proceedings of the 9th International Conference of Information and Communication Technology [ICICT-2019], Nanning, Guangxi, China January 11-13, 2019, Elsevier, Procedia Computer Science	- Scopus IF: 2.27	6	154, 2019, 543-548	07/2019

10	Malicious URL detection based on machine learning	3	Có	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (Tập chí ISSN : 2156-5570 (E), ISSN : 2158-107X (P))	Scopus Q4 - ESCI IF: 1.3	20	1, 11, 148-153	01/2020
11	APT attack detection based on flow network analysis techniques using deep learning	3	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems (Tập chí ISSN: 1875-8967 (E), ISSN: 1064-1246 (P))	Q2 - SCIE IF: 1.74	14	39, 3, 4785-4801	06/2020
12	An adaptive anomaly request detection framework based on dynamic web application profiles	3	Có	International Journal of Electrical and Computer Engineering (Tập chí ISSN: 2722-2578 (E), ISSN: 2088-8708 (P))	Q2 - Scopus IF: 1.727	3	10, 5, 5335-5346	10/2020
13	Detecting C&C Server in the APT Attack based on Network Traffic using Machine Learning	3	Có	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (Tập chí ISSN : 2156-5570 (E), ISSN : 2158-107X (P))	Q4 - ESCI IF: 1.3	5	11, 5, 22-27	06/2020

14	A proposed technique for detecting video steganography	4	Có	Journal of Theoretical and Applied Information Technology (Tap chí ISSN: 1817-3195 (E), ISSN: 1992-8645 (P))	Q4 - Scopus IF: 0.6		98, 21, 3504-3513	09/2020
15	Detecting APT Attacks Based on Network Traffic Using Machine Learning	1	Có	Journal of Web Engineering (Tap chí: ISSN: 1544-5976 (E), ISSN: 1540-9589 (P))	Q4 - SCIE IF: 0.617	8	20, 1, 171-190	02/2021
16	A multi-layer approach for advanced persistent threat detection using machine learning based on network traffic	3	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems (Tap chí ISSN: 1875-8967 (E), ISSN: 1064-1246 (P))	Q2 - SCIE IF: 1.85	4	40, 6, 11311-11329	06/2021
17	Optimization of network traffic anomaly detection using machine learning	3	Có	International Journal of Electrical and Computer Engineering (Tap chí ISSN: 2722-2578 (E), ISSN: 2088-8708 (P))	Q2 - Scopus IF: 1.616	3	11, 3, 2360-2370	06/2021

18	A New Approach for Network Steganography Detection based on Deep Learning Techniques	2	Có	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (Tập chí ISSN : 2156-5570 (E), ISSN : 2158-107X (P))	Q3 - ESCI IF: 1.3		12, 7, 37-42	07/2021
19	Detecting Android Malware Based on Analyzing Abnormal Behaviors of APK File	2	Có	International Journal of Computer Science & Network Security (Tập chí ISSN: 2156-5570)	- ESCI IF: 1.5		21, 6, 17- 22	06/2021
20	Detecting Malware based on Analyzing Abnormal behaviors of PE File	2	Không	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (Tập chí ISSN: 2156-5570 (E), ISSN: 2158-107X (P))	Q3 - ESCI IF: 1.3		12, 3, 464-471	04/2021
21	A novel approach for APT attack detection based on combined deep learning model	2	Có	Neural Computing and Applications (Tập chí ISSN: 1433-3058 (E), ISSN: 0941-0643 (P))	Q1 - SCIE IF: 5.6	11	33 13251-13264	03/2021

22	A Proposal to Improve the Bit Plane Steganography based on the Complexity Calculation Technique	1	Có	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (Tap chí ISSN: 2156-5570 (E), ISSN : 2158-107X (P))	Q3 - ESCI IF: 1.3		12, 6, 517-522	06/2021
23	Optimization of APT attack detection based on a model combining ATTENTION and deep learning	2	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems (Tap chí ISSN: 1875-8967 (E), ISSN: 1064-1246 (P))	Q2 - SCIE IF: 1.74	3	42, 4, 4135-4151	03/2022
24	A new approach for APT malware detection based on deep graph network for endpoint systems	2	Có	Applied Intelligence (Tap chí ISSN1573-7497 (E), ISSN: 0924-669X (P))	Q2 - SCI IF: 5.08	2		03/2022
25	A framework for vietnamese email phishing detection	3	Có	International Journal of Innovative Technology and Exploring Engineering (Tap chí ISSN: 1573-7497)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		9, 1, 2258-2264	11/2019

26	A Novel Intelligent Cognitive Computing-based APT Malware Detection for Endpoint Systems	3	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems (Tập chí ISSN: 1875-8967 (E), ISSN: 1064-1246 (P))	Q2 - SCIE IF: 1.74		04/2022
27	Automatically Detect Software Security Vulnerabilities Based on Natural Language Processing Techniques and Machine Learning Algorithms	3	Có	Journal of ICT Research and Applications (Tập chí: ISSN: 2337-5787 (P), ISSN: 2338-5499 (E))	Q3 - ESCI IF: 0.83	16, 1, 70-87	05/2022
28	New approach for APT malware detection on the workstation based on process profile	3	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems (Tập chí ISSN: 1875-8967 (E), ISSN: 1064-1246 (P))	Q2 - SCIE IF: 1.74		06/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 16 ([10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [21] [22] [23] [24] [26] [27] [28])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)